

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17 - 8 - 2022

V/v ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải; Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-7-2022; Quyết định hoãn phiên toàn số 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03-8-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phùng Thị T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Bị đơn: anh Trần Văn P, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 34 B, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:

Chị T và anh Trần Văn P chung sống từ năm 2014, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Ban đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, thường xuyên cãi vã, xô xát, Anh P còn cãi nhau với bố ruột Chị T. Nguyên nhân do Anh P thường xuyên ăn nhậu, đánh đập Chị T gây thương tích chảy máu. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 06 tháng không quan hệ tình cảm, mỗi người một cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Chị T đã chuyển ra ngoài sống riêng cùng con trai, không chung sống với chồng. Nay, Chị T xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống, Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Chị T xác định có 01 (một) con chung tên Trần Phùng Bảo A, sinh ngày 10/11/2014. Chị T có nguyện vọng nuôi con chung, yêu cầu Anh P cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/3/2022, lời khai, các biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Văn P trình bày: Anh P xác định về điều kiện chung sống và kết hôn như Chị T trình bày là đúng sự thật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn thường hay cãi vã, có xô xát. Nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về lối sống, tính cách dẫn đến vợ chồng không có sự hòa hợp. Anh P thừa nhận có cãi vã, xô xát với vợ, nhưng không nhiều và không đánh Chị T nặng tay. Mâu thuẫn gần đây nhất là đợt tết âm lịch (tháng 01 năm 2022), vợ chồng cãi vã và Anh P có cãi nhau với bố vợ. Sau đó Anh P có đến xin lỗi bố mẹ vợ và sống hòa thuận như trước. Tuy nhiên, Chị T vẫn không tha thứ mà hay đi làm, đi chơi về muộn, né tránh việc quan hệ tình cảm. Hai vợ chồng đã ly thân hơn 03 tháng nay, không còn nói chuyện với nhau. Hai bên đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn, cố gắng đoàn tụ gia đình nhưng không thành.

Tại buổi hòa giải ngày 08/4/2022, Anh P đồng ý ly hôn và giao con cho vợ nuôi, tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ngày 14/4/2022, Anh P thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Anh P thấy còn tình cảm với vợ, muốn Chị T cho cơ hội để tôi sửa chữa sai lầm, anh cam kết không nhậu xỉn hay đánh Chị T để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Anh P xác định có 01 (một) con chung với Chị T tên Trần Phùng Bảo A, sinh ngày 10/11/2014. Trường hợp ly hôn, Anh P có nguyện vọng nuôi con vì muốn sống cùng con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: căn cứ nội dung thừa nhận và xác minh về mâu thuẫn vợ chồng, xét thấy Chị T yêu cầu ly hôn Anh P là có cơ sở nên chấp nhận. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của Chị T được nuôi cháu Trần Phùng Bảo A, sinh ngày 10/11/2014, Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và Anh P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên quan hệ hôn nhân giữa Chị T và Anh P là hợp pháp.

Chị T và Anh P đều thừa nhận quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn về tình cảm. Nguyên nhân do hai bên có sự khác biệt về quan điểm, tính cách,

dẫn đến không hiểu, chia sẻ với nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, Anh P đánh Chị T nhiều lần. Chị T đã chuyển tới nơi khác sống cùng con trai, hai bên sống ly thân khoảng 06 tháng nay, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, mỗi người một cuộc sống riêng. Chị T cương quyết ly hôn, tại buổi hòa giải ngày 08/4/2022, Anh P đồng ý ly hôn, đồng ý giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Ngày 14/4/2022, Anh P thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Tại buổi hòa giải ngày 06/5/2022, Chị T vẫn cương quyết ly hôn, Anh P không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng nuôi con. Tòa án đã ban hành thông báo cung cấp tài liệu chứng cứ số 212/2022/TB-CCTLCC ngày 06/5/2022 yêu cầu Anh P cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, từ thời điểm nhận Thông báo trên đến nay, Anh P không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án đã mời Anh P đến làm việc, tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng Anh P không đến thể hiện không có thiện chí, biện pháp hàn gắn đoàn tụ gia đình. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh P và Chị T là có thật, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và Anh P xác nhận có một con chung là tên Trần Phùng Bảo A, sinh ngày 10/11/2014 hiện đang ở với Chị T. Chị T có yêu cầu được nuôi con chung, Anh P có thời điểm đồng ý để Chị T nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, có thời điểm không đồng ý, có yêu cầu nuôi con nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con và không có ý kiến bổ sung gì khác. Kết quả xác minh tại khu phố nơi vợ chồng chung sống và nơi học của cháu An đều xác nhận việc Chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu An tốt. Xét thấy, cháu An hiện đang sống ổn định với mẹ, được mẹ chăm sóc tốt, Chị T có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để nuôi dưỡng con chung nên giao cháu An cho Chị T trực tiếp nuôi là đúng quy định, Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, Anh P phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp nuôi con chung là Trần Phùng Bảo A, sinh ngày 10/11/2014; Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001810 ngày 28-2-2022 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố Vũng Tàu. Chị T đã nộp đủ. Anh P phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng định kỳ.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGÔ THỊ MINH HẢI

